BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Số: 225 /BC-YHDP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Thực hiện Chương trình giáo dục đại học
Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung:

a. Tên trường (bao gồm cả tiếng nước ngoài):

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tiếng Anh: Hai Phong University of Medicine and Pharmacy

b. Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng

c. Loại hình và cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học công lập trực thuộc Bộ Y tế

d. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

*** Sứ mạng:**

"Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo".

*** Tầm nhìn:**

"Phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín, định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế".

*** Giá trị cốt lõi**: "*Chuyên nghiệp - Hội nhập - Hiệu quả*"

*** Triết lý giáo dục**: "*Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khỏe cộng đồng*"

e. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1979, Trường được thành lập ban đầu từ cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng.

Năm 1985, Cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội được phát triển thành Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng trực thuộc Trường Đại học Y Hà Nội.

Năm 1999, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 06/1999/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng trên cơ sở Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 11 năm 2013, Trường Đại học Y Hải Phòng được đổi tên thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng theo quyết định số 2153/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

f. Người đại diện phát luật/người phát ngôn: PGS.TS. Nguyễn Văn Khải - Hiệu trưởng

2. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập/chia tách/sáp nhập: NQ số 158/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành Quy định về thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể đơn vị Trường Đại học Hải Phòng

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường: Số 3944/QĐ-BYT ngày 15/09/2020 của Bộ y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020-2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

TT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	CHỨC VỤ
1	PGS. TS. Phạm Văn Linh	Chủ tịch	Bí thư Đảng uỷ
2	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Thư ký	Trưởng khoa YHCT
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Khải	Thành viên	Hiệu trưởng
4	PGS.TS. Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	Chủ tịch Công đoàn trường
5	PGS.TS. Phạm Văn Mạnh	Thành viên	Phó Hiệu trưởng
6	PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai	Thành viên	Phó Hiệu trưởng
7	TS. Nguyễn Hải Ninh	Thành viên	Trưởng phòng TCCB
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	Trưởng khoa Dược học
9	TS. Vũ Mạnh Tân	Thành viên	Phó trưởng Khoa Y
10	PGS.TS. Phan Lê Thu Hằng	Thành viên	Phó VT vụ kế hoạch tài chính
11	TS. Nguyễn Trọng Diện	Thành viên	Giám đốc
12	TS. Trần Anh Cường	Thành viên	Giám đốc
13	TS. BSCKII. Nguyễn Quang Tập	Thành viên	Chủ tịch Hội đồng Quản lý Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp
14	TS. Nguyễn Bá Phước	Thành viên	Giám đốc Bệnh viện Kiến An
15	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	TGĐ Công ty Dược phẩm CPC1
16	SV. Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Thành viên	UV BCH ĐTNCS HCM

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, phân công Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Nghị quyết Số 18/NQ-HĐT-YDHP ngày 04/05/2021 về việc bổ nhiệm Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

Nghị quyết số 08/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 09/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

d. Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Nghị quyết số 01/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quy chế tổ chức của các đơn vị trực thuộc Trường: Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng; Nghị quyết số 10/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo; Nghị quyết số 10/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

- Hiện nay Nhà trường có 11 phòng, 09 khoa, 08 Trung tâm, 01 Tạp chí và 01 Bệnh viện trực thuộc.

- Nhà trường đã thành lập Khoa Y, Khoa Khoa học cơ bản. Theo Nghị quyết số 39/ NQ-HĐT-YDHP ngày 25/01/2022 Thành lập Khoa Y, Nghị quyết số 48/ NQ-HĐT-YDHP ngày 20/04/2022 Thành lập Khoa Khoa học cơ bản, Nghị quyết số 65/ NQ-HĐT-YDHP ngày 15/11/2022 Thành lập Tạp chí Khoa học sức khỏe.

- Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cấu thành: Quyết định số 1226/QĐ-YDHP ngày 28/07/2022 về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động các đơn vị của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Đến nay, Nhà trường đã cơ bản hoàn thiện dự thảo Quy định mới về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Dự thảo này đã được Đảng ủy Nhà trường thống nhất thông qua. Tuy nhiên, do hiện tại chưa kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng Trường nên Quy định vẫn chưa thể chính thức ban hành.

e. Sơ đồ cơ cấu tổ chức.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

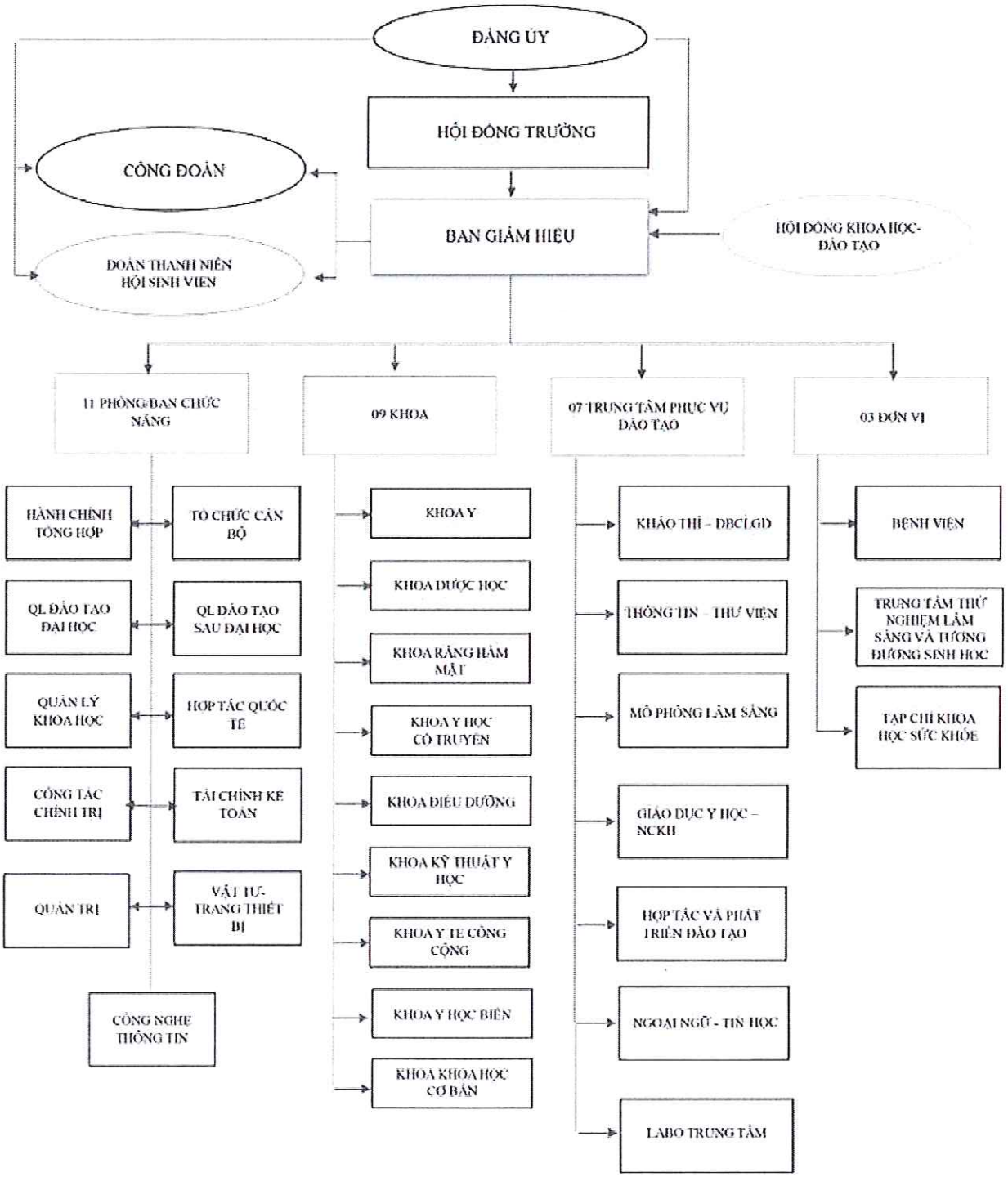

f. Quyết định thành lập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường

Nghị quyết số 120/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Ban thanh tra -pháp chế vào phòng công tác chính trị

Nghị quyết số 127/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Khoa Dị ứng – Miễn dịch vào Khoa Da liễu -truyền nhiễm của Bệnh viện Đại học Y HP

Nghị quyết số 128/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Khoa Dinh dưỡng vào Phòng Điều dưỡng của Bệnh viện Đại học Y HP

g. Danh sách các cán bộ lãnh đạo trường, lãnh đạo đơn vị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ email
1	PGS.TS Phạm Văn Linh	Chủ tịch Hội đồng trường	pvlinh@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS Nguyễn Văn Khải	Hiệu trưởng	nvkhai@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS Đinh Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo	dtthanhmai@hpmu.edu.vn
4	PGS.TS Phạm Văn Mạnh	Phó Hiệu trưởng, Giám đốc Trung tâm Hợp tác và phát triển đào tạo	pvmanh@hpmu.edu.vn
5	PGS.TS Nguyễn Thị Thắm	Trưởng phòng Quản lý đào tạo đại học	nttham@hpmu.edu.vn
6	TS. Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng Quản lý đào tạo sau đại học	pthai@hpmu.edu.vn
7	PGS.TS. Hoàng Thị Giang	Trưởng Khoa Y tế công cộng	htgiang@hpmu.edu.vn
8	KS. Lưu Mạnh Hùng	Trưởng phòng Quản trị	lmhung@hpmu.edu.vn
9	TS. Nguyễn Hải Ninh	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ	nhninh@hpmu.edu.vn
10	TS. Nguyễn Hùng Cường	Trưởng khoa Kỹ thuật y học	nhcuong@hpmu.edu.vn
11	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng Phòng Vật tư - Trang thiết bị	nnquynh@hpmu.edu.vn
12	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp	ntatuyet@hpmu.edu.vn
13	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện	nthnhung@hpmu.edu.vn
14	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Giám đốc Trung tâm Giáo dục, Y học- Nghiên cứu khoa học	nttbinh@hpmu.edu.vn

STT	Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ email
15	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng khoa Y học cổ truyền	ntthien@hpmu.edu.vn
16	PGS.TS Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng khoa Dược học	ntthuphuong@hpmu.edu.vn
17	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng phòng Tài chính kế toán	nttduong@hpmu.edu.vn
18	BSCKII. Phạm Thị Vân	Trưởng Khoa Khoa học cơ bản	ptvan@hpmu.edu.vn
19	ThS. Trần Quốc Trình	Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	tqtrinh@hpmu.edu.vn
20	TS. Trần Thị An Huy	Trưởng khoa Răng Hàm Mặt	tahuy@hpmu.edu.vn
21	ThS. Vũ Quang Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị	vqtuyen@hpmu.edu.vn
22	TS. Phạm Thành Nguyên	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và QLCLGD	ptnguyen@hpmu.edu.vn
23	TS. Phạm Thị Vân Anh	Giám đốc Trung tâm Mô phỏng lâm sàng	ptvananh@hpmu.edu.vn

h. Hệ thống văn bản quản lý (chiến lược, quy định, quy chế, Nghị quyết Hội đồng trường,...)

Nghị quyết số 112/NQ-HĐT-YDHP ngày 26/04/2024 về việc Thông qua đề án sử dụng tài sản công của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 122/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 về việc Thông qua phương án chi trả chế độ hỗ trợ thu nhập đối với viên chức, người lao động

Nghị quyết số 141/NQ-HĐT-YDHP ngày 28/10/2024 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Nghị quyết số 142/NQ-HĐT-YDHP ngày 28/10/2024 về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức người lao động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 151/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Nghị quyết số 152/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua kế hoạch tuyển dụng hợp đồng năm 2025

Nghị quyết số 153/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 154/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua kế hoạch

tài chính năm 2025

Nghị quyết số 163/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/04/2025 về việc Thông qua Quy chế chấm công và trả lương đối với viên chức, người lao động

Nghị quyết số 155/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Thông qua Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 157/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng trường

Nghị quyết số 158/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành Quy định về thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể đơn vị Trường Đại học Hải Phòng

Nghị quyết số 159/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành kế hoạch năm 2025 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	21,2	24,46
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	98,63%	100%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	36,2	26,37%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	511	86	240	151	31	3
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	504	86	240	151	26	1

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	20	19
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	182	185
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	39,6%	41,3%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Diện tích đất/người học (m2)	4,66	8,72
2	Diện tích sàn/người học (m2)	3,63	4
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	49,4	42,16
5	Số bản sách/người học	5,8	6,2
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	24%	14,14%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	128,6	128,6

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
1	Trụ sở chính: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	45185,6	13105
2	Cơ sở: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	225C- Lạch Tray- Gia Viên- Hải Phòng	6930,5	27438
Tổng cộng			52116,1	40543

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm 2025

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	Xây mới tòa nhà			Không có
2	Nâng cấp tòa nhà			
2.1	Sửa chữa, khắc phục tác động hậu quả sau bão số 3/2024	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	7500	
2.2	Sữa chữa Nhà giảng dạy, làm việc và các hạng mục phụ trợ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	15000	
2.3	Sửa chữa hệ thống thoát nước, sân đường nội bộ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	15000	

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm			Không có
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm			Không có
Tổng cộng			37500	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường Đại học cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo tiêu chuẩn chất lượng thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 10 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 11 năm 2030.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7720101	Y Khoa	CTĐT ngành Y Khoa trình độ đại học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	10/2022-10/2027
2	7720201	Dược học	CTĐT ngành Duọc học trình độ đại học		10/2022-10/2027
3	8720701	Y tế công cộng	CTĐT ngành Y tế công cộng trình độ thạc sĩ		10/2022-10/2027
4	7720301	Điều dưỡng	CTĐT ngành điều dưỡng trình độ đại học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	03/2024-3/2029
5	7720501	Răng hàm mặt	CTĐT ngành Răng hàm mặt trình độ đại học		03/2024-3/2029
6	7720115	Y học cổ truyền	CTĐT ngành Y học cổ truyền trình độ đại học		03/2024-3/2029
7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	CTĐT ngành kỹ thuật y học trình độ đại học		03/2024-3/2029
8	8720107	Nội khoa	CTĐT ngành Nội khoa trình độ thạc sĩ		03/2024-3/2029
9	8720104	Ngoại khoa	CTĐT ngành Ngoại khoa trình độ thạc sĩ		03/2024-3/2029

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
10	8720106	Nhi khoa	CTĐT ngành Nhi khoa trình độ thạc sĩ		03/2024-3/2029
11	8720205	Dược lý – Dược lâm sàng	CTĐT ngành Dược lý – Dược lâm sàng trình độ thạc sĩ.	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	10/11/2025 - 09/11/2030
12	8720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CTĐT ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học trình độ thạc sĩ		10/11/2025 - 09/11/2030
13	7720110	Y học dự phòng	CTĐT ngành Y học dự phòng trình độ Đại học		10/11/2025 - 09/11/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	90,8%	99,3%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	19,7%	2,9%
3	Tỉ lệ thôi học	1,1%	0,33%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	3,8%	4,45%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	83,2%	70,7%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	82,8%	67,4%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	91,22	92%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	86,6%	95,5%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	77,61%	92,1%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm 2025

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	**Đại học**				
1	**Lĩnh vực 6**	**7217**	**1806**	**1306**	
a	**Chính quy**	**6686**	**1617**	**1120**	**77,61%**
1	Y khoa	3180	580	590	73,31 %
2	Y học dự phòng	295	100	23	73,53%
3	Y học cổ truyền	541	147	51	83,05%
4	Dược học	888	230	150	95,05%
5	Điều dưỡng	798	264	152	85,09%

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
6	Răng - Hàm - Mặt	582	151	83	80,65%
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	402	145	71	52,7%
b	**Liên thông chính quy, Liên thông vừa làm vừa học**	**531**	**189**	**186**	100%
1	Y khoa (TC-ĐH)	391	102	112	100%
2	Dược học (CĐ-ĐH)	8	0	33	100%
3	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	109	64	41	100%
4	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	23	23	0	100%
II	**Thạc sĩ (và trình độ tương đương)**	**3018**	**1476**	**552**	**100%**
1	Tiến sĩ	77	37	2	100%
2	Thạc sĩ	223	141	17	100%
3	Chuyên khoa II	542	298	104	100%
4	Chuyên khoa I	1961	889	406	100%
5	Bác sĩ nội trú	215	111	23	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	3,2%	2,1%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,58	0,64
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,26	0,1

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	4	8.825.592.000
3	Đề tài cấp cơ sở	210	441.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	11	5.533.045.000
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	**221**	**14.799.637.000**

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2025	Năm 2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	163	197
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	133	45
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	1	1
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	1	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	22,58%	16,4%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	35,7%	-7,65%

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: tỉ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2025	Năm 2024
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	**528.005**	**319.985**
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư**	**47.295**	**12.876**
II	**Thu giáo dục và đào tạo**	**445.640**	**297.978**
1	Học phí, lệ phí từ người học	424.972	288.923
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	20.668	9.055
III	**Thu khoa học và công nghệ**	**23.907**	**7.094**
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	7.897	1.284
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	16.010	5.810
3	Thu khác		
IV	**Thu khác (thu nhập ròng)**	**11.163**	**2.037**
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**343.948**	**227.601**
I	**Chi lương, thu nhập**	**138.014**	**137.134**

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2025	Năm 2024
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	112.921	112.201
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	25.093	24.933
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**158.262**	**51.870**
1	Chi cho đào tạo	91.458	30.503
2	Chi cho nghiên cứu	26.909	8.291
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	39.895	13.076
III	**Chi hỗ trợ người học**	**29.264**	**24.717**
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	29.264	24.717
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	**Chi khác**	**18.408**	**13.880**
C	**CHÊNH LỆCH THU CHI**	**184.057**	**92.384**

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm 2025, bên cạnh các nhiệm vụ trọng tâm về đào tạo, nghiên cứu khoa học và đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã triển khai hiệu quả nhiều nhiệm vụ quan trọng khác như hoàn thiện mô hình quản trị đại học, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển đội ngũ, xây dựng văn hóa chất lượng và tăng cường hoạt động phục vụ cộng đồng, qua đó góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học khối ngành sức khỏe.

1. Công tác tổ chức, quản trị và xây dựng hệ thống quản lý

Năm 2025, Nhà trường tiếp tục kiện toàn bộ máy quản trị theo hướng tăng cường tự chủ đại học và nâng cao hiệu quả quản lý. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và các đơn vị chức năng được củng cố, đảm bảo hoạt động theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi.

Trong năm, Nhà trường đã công bố và kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020–2025, góp phần hoàn thiện mô hình quản trị đại học theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Các quy chế nội bộ tiếp tục được rà soát, sửa đổi và ban hành mới, đặc biệt là các quy định về: Quản lý nhân sự; Quản lý đào tạo; Quản lý khoa học công nghệ; Quản lý tài chính và tài sản; Đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và đào tạo, từng bước xây dựng môi trường đại học thông minh.

Một số kết quả nổi bật:

- Triển khai các hệ thống quản lý đào tạo, quản lý học tập trực tuyến và ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm.
- Ứng dụng nền tảng số trong quản lý văn bản, hồ sơ công việc và điều hành nội bộ.
- Tăng cường sử dụng công nghệ trong tổ chức thi, đánh giá và quản lý dữ liệu người học.

Các hoạt động chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng tính minh bạch và hỗ trợ mạnh mẽ công tác đào tạo – nghiên cứu khoa học.

3. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Nhà trường tiếp tục chú trọng **phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý**, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo.

Các hoạt động chính:

- Tăng cường cử giảng viên đi đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước.
- Tổ chức các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, xây dựng kế hoạch chiến lược, quản trị đại học/quản trị rủi ro và đảm bảo chất lượng.
- Thu hút nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực y học, dược học và khoa học sức khỏe.

Nhờ đó, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ và chức danh khoa học tiếp tục được nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của trường trong giai đoạn mới.

4. Công tác chính trị tư tưởng và xây dựng văn hóa chất lượng

Nhà trường tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Các hoạt động được triển khai gồm:

- Sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết;
- Xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn trường;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

5. Công tác sinh viên và các hoạt động phong trào

Công tác sinh viên tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hoạt động thiết thực:

- Hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học;
- Hoạt động tình nguyện, khám chữa bệnh cộng đồng;
- Phong trào văn hóa, thể thao và khởi nghiệp.

Trong năm 2025, Đại hội Hội Sinh viên Trường nhiệm kỳ 2025–2028 được tổ chức thành công, với sự tham gia của đại diện hơn 7.000 sinh viên toàn trường.

Các hoạt động phong trào góp phần xây dựng môi trường học tập năng động, phát triển toàn diện cho sinh viên.

6. Công tác hợp tác và phục vụ cộng đồng

Nhà trường tiếp tục mở rộng hợp tác với:

- Các bệnh viện tuyến Trung ương và địa phương,
- Các cơ sở đào tạo y khoa trong và ngoài nước,
- Các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực y tế và giáo dục.

Nhiều chương trình khám chữa bệnh, tư vấn sức khỏe cộng đồng và hỗ trợ y tế được tổ chức tại các địa phương, góp phần thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của Nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục & Đào tạo;
- Lưu: VT, TT Khảo thí & QLCLGD.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải